

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG BÔNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 65 /QĐ-UBND

Krông Bông, ngày 12 tháng 01 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Nhiệm vụ - Dự toán

Tên dự án: Điều chỉnh quy hoạch xây dựng nông thôn xã Cư Pui, huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số: 77/2015/QH13, ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 do Quốc hội Nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ban hành;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BXD ngày 01/03/2017 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về Quy hoạch xây dựng nông thôn;

Căn cứ Thông tư 22/2019/BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Công văn số 1374/SXD-QHKT ngày 14/05/2020 của Sở Xây dựng tỉnh Đắk Lắk về việc rà soát quy hoạch nông thôn trên địa bàn toàn tỉnh và tổ chức triển khai quy hoạch xây dựng vùng huyện;

Căn cứ Công văn số 2130/SXD-QHKT ngày 26/05/2020 của UBND huyện Krông Bông về việc rà soát quy hoạch nông thôn trên địa bàn và tổ chức triển khai quy hoạch xây dựng vùng huyện;

Căn cứ Công văn số 3950/UBND-KTHT ngày 21/9/2020 của UBND huyện Krông Bông về việc đồng ý chủ trương điều chỉnh đồ án quy hoạch xây dựng nông thôn mới 13 xã trên địa bàn huyện Krông Bông;

Căn cứ Biên bản họp ngày 10/11/2020 của các cơ quan thường trực xã Cư Pui, về việc thống nhất nhiệm vụ - dự toán Điều chỉnh quy hoạch xây dựng nông thôn xã Cư Pui, huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030;

Căn cứ các văn bản, tài liệu, bản đồ và các dự án có liên quan;

Căn cứ nhiệm vụ và dự toán do Công ty TNHH Tư vấn & Thương mại Phú Nguyên lập;

Căn cứ Tờ trình số 83/TTr-UBND, ngày 17/11/2020 của Ủy ban nhân dân xã Cư Pui về việc thẩm định, phê duyệt Nhiệm vụ - Dự toán Điều chỉnh quy hoạch xây dựng nông thôn xã Cư Pui, huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030.

Xét đề nghị của Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Krông Bông tại Tờ trình số 01./TTr-KTHT ngày 04 tháng 01 năm 2021 và Báo cáo thẩm định số 01./BC-KTHT ngày 04 tháng 01 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Nhiệm vụ - Dự toán Điều chỉnh quy hoạch xây dựng nông thôn xã Cur Pui, huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030 với nội dung sau:

1. Tên nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch

Điều chỉnh quy hoạch xây dựng nông thôn xã Cur Pui, huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030.

2. Vị trí, phạm vi ranh giới và quy mô điều chỉnh quy hoạch

Xã Cur Pui nằm ở phía Đông của huyện Krông Bông, cách trung tâm huyện 23 km theo đường Tỉnh lộ 12, nối giữa thị trấn Krông Kmar và các xã cánh Đông của huyện. Xã có vị trí tiếp giáp như sau:

- Phía Đông giáp huyện M'Đrăk với ranh giới tự nhiên là sông Krông Păk;
- Phía Nam giáp xã Cur Drăm;
- Phía Tây giáp xã Hòa Phong;
- Phía Bắc giáp huyện Ea Kar.

Quy mô diện tích lập điều chỉnh quy hoạch là toàn bộ 17.352,32 ha diện tích đất tự nhiên của xã Cur Pui. Quy mô dân số lập điều chỉnh quy hoạch giai đoạn đầu (đến năm 2025) là 14.975 người và giai đoạn sau (đến năm 2030) là 15.896 người.

3. Mục tiêu của đồ án

Duy trì và nâng cao 10 tiêu chí nông thôn mới mà xã đã đạt được bao gồm: Quy hoạch (TC số 1); Giao thông (TC số 2); Thủy lợi (TC số 3); Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn (TC số 7); Thông tin và truyền thông (TC số 8); Lao động có việc làm (TC số 12); Giáo dục và Đào tạo (TC số 14); Y tế (TC số 15); Hệ thống Chính trị và tiếp cận Pháp luật (TC số 18); Quốc phòng và An ninh (TC số 19);

Đưa ra được giải pháp và phương hướng để hoàn thiện 09 tiêu chí nông thôn mới mà xã chưa đạt được bao gồm: Điện (TC số 4); Trường học (TC số 5); Cơ sở vật chất văn hóa (TC số 6); Nhà ở dân cư (TC số 9); Thu nhập (TC số 10); Hộ nghèo (TC số 11); Tổ chức sản xuất (TC số 13); Văn hóa (TC số 16); Môi trường và an toàn thực phẩm (TC số 17).

4. Các chỉ tiêu đất đai và hạ tầng kỹ thuật

STT	Loại chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị tối thiểu	Đến năm 2025	Đến năm 2030
I	CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT				
1	Đất ở	m ² /người	25	≥35	≥50
2	Đất xây dựng công trình dịch vụ	m ² /người	5	≥10	≥20
3	Đất cho giao thông và hạ tầng kỹ thuật	m ² /người	5	≥10	≥20
4	Đất cây xanh công cộng	m ² /người	2	≥5	≥10
II	HẠ TẦNG KỸ THUẬT				

1	Mặt cắt ngang đường giao thông	m	6,5	≥ 7	≥ 7
2	Chỉ tiêu cấp nước	l/ng/ng.đ	80	100	120
3	Tỷ lệ dân sử dụng nước hợp vệ sinh	%	95	95	100
4	Chỉ tiêu cấp điện	W/người	100-165*	165	200
5	Tỷ lệ dân sử dụng điện thường xuyên và an toàn	%	98	100	100
6	Chất thải rắn	kg/ng/ng.đ	0,8	0,8	0,9

5. Nội dung nhiệm vụ của đồ án theo Thông tư số 02/2017/TT-BXD ngày 01/03/2017 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về Quy hoạch xây dựng nông thôn

5.1. Thành phần bản vẽ

a) Sơ đồ vị trí, mối liên hệ vùng: Xác định vị trí, ranh giới lập điều chỉnh quy hoạch (toàn bộ ranh giới hành chính của xã); thể hiện các mối quan hệ giữa xã và vùng trong huyện có liên quan về kinh tế - xã hội; Điều kiện địa hình, địa vật, các vùng có ảnh hưởng lớn đến kiến trúc cảnh quan của xã; hạ tầng kỹ thuật đầu mối và các vấn đề khác tác động đến phát triển xã. Thể hiện theo tỷ lệ thích hợp;

b) Bản đồ hiện trạng tổng hợp, đánh giá đất xây dựng: Sử dụng đất, kiến trúc cảnh quan, hệ thống hạ tầng xã hội (giáo dục, y tế, văn hóa, thương mại, cây xanh, nhà ở, ...); hiện trạng giao thông, cấp điện và chiếu sáng, cấp nước, cao độ nền và thoát nước mưa, thoát nước bản; thu gom chất thải rắn, nghĩa trang, môi trường. Xác định khu vực thuận lợi, ít thuận lợi, không thuận lợi cho phát triển của xã. Thể hiện theo tỷ lệ 1/10.000;

c) Sơ đồ định hướng phát triển không gian toàn xã. Thể hiện theo tỷ lệ 1/10.000;

d) Bản đồ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất. Thể hiện theo tỷ lệ 1/10.000;

e) Bản đồ điều chỉnh quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật và môi trường; hạ tầng phục vụ sản xuất. Thể hiện theo tỷ lệ 1/10.000.

5.2. Thuyết minh

a) Nêu lý do sự cần thiết lập điều chỉnh quy hoạch; nêu đầy đủ căn cứ lập điều chỉnh quy hoạch; xác định quan điểm và mục tiêu điều chỉnh quy hoạch;

b) Phân tích và đánh giá hiện trạng tổng hợp:

- Điều kiện tự nhiên như: đặc điểm địa lý, địa hình, địa mạo, khí hậu, thủy văn, thổ nhưỡng, tài nguyên nước, rừng. Các ảnh hưởng của thiên tai, biến đổi khí hậu, môi trường và các hệ sinh thái;

- Dân số (số hộ dân, cơ cấu dân số, cơ cấu lao động, đặc điểm phát triển), đặc điểm về văn hóa, dân tộc và phân bố dân cư;

- Phát triển kinh tế trong các lĩnh vực nông nghiệp và phi nông nghiệp; đánh giá thế mạnh, tiềm năng và các hạn chế trong phát triển kinh tế;

- Hiện trạng sử dụng và biến động từng loại đất (lưu ý các vấn đề về sử dụng và khai thác đất nông nghiệp; những vấn đề tồn tại trong việc sử dụng đất đai);

- Hiện trạng về nhà ở, công trình công cộng, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng phục vụ sản xuất, môi trường, các công trình di tích, danh lam, thắng cảnh du lịch;

- Việc thực hiện các quy hoạch có liên quan, các dự án đã và đang triển khai trên địa bàn xã.

c) Xác định tiềm năng, động lực và dự báo phát triển xã:

- Dự báo quy mô dân số, lao động, số hộ cho giai đoạn 10 năm và phân kỳ 5 năm;
- Dự báo loại hình, động lực phát triển kinh tế chủ đạo; quy mô sản xuất, sản phẩm chủ đạo, khả năng thị trường, định hướng giải quyết đầu ra;
- Xác định tiềm năng đất đai phục vụ cho việc chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất (nông nghiệp sang phi nông nghiệp hoặc đất đô thị) phục vụ dân cư, công trình hạ tầng và sản xuất;
- Xác định quy mô đất xây dựng cho từng loại công trình công cộng, dịch vụ cấp xã, thôn; quy mô và chỉ tiêu đất ở cho từng loại hộ gia đình như: hộ sản xuất nông nghiệp; hộ sản xuất tiểu thủ công nghiệp; hộ thương mại, dịch vụ trong toàn xã;

d) Định hướng điều chỉnh quy hoạch không gian tổng thể xã:

- Định hướng tổ chức hệ thống trung tâm xã, khu dân cư mới và cải tạo. Xác định quy mô dân số, tính chất, nhu cầu đất ở cho từng khu dân cư mới và thôn;
- Định hướng tổ chức hệ thống công trình công cộng, dịch vụ. Xác định vị trí, quy mô, định hướng kiến trúc cho các công trình công cộng, dịch vụ cấp xã, thôn;
- Định hướng tổ chức không gian điều chỉnh quy hoạch kiến trúc khu dân cư mới và các thôn cũ. Xác định các chỉ tiêu của quy hoạch điều chỉnh, định hướng kiến trúc cho từng loại hình ở phù hợp với đặc điểm của địa phương;
- Định hướng tổ chức các khu vực sản xuất tiểu thủ công nghiệp tập trung, làng nghề, khu vực sản xuất và phục vụ sản xuất nông nghiệp;
- Định hướng tổ chức các khu chức năng đặc thù khác trên địa bàn xã.

e) Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất:

- Điều chỉnh quy hoạch các loại đất trên địa bàn xã cập nhật phù hợp với quy hoạch sử dụng đất cấp huyện;
- Xác định diện tích đất cho nhu cầu phát triển theo các giai đoạn 5 năm, 10 năm và các thông số kỹ thuật chính cho từng loại đất, cụ thể: đất nông nghiệp, đất xây dựng và các loại đất khác;
- Tổng hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất theo hình thức được quy định tại Thông tư 02/2017/BXD.

f) Điều chỉnh quy hoạch hạ tầng kỹ thuật:

- Định hướng điều chỉnh quy hoạch xây dựng hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật, các công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật trong phạm vi xã. Xác định khung hạ tầng phục vụ sản xuất như: đường nội đồng, kênh mương thủy lợi;
- Xác định vị trí, quy mô cho các công trình hạ tầng kỹ thuật gồm: đường trục xã, đường liên thôn, đường trục thôn, cao độ nền, cấp điện, cấp thoát nước, xử lý chất thải và nghĩa trang.

g) Đánh giá môi trường chiến lược:

Nội dung đánh giá môi trường chiến lược thực hiện theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường và các văn bản khác có liên quan.

h) Dự kiến các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư:

- Xác định các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư trên địa bàn xã và kế hoạch thực hiện theo từng giai đoạn;

- Dự kiến sơ bộ nhu cầu vốn và các nguồn lực thực hiện.

k) Kết luận và kiến nghị

5.3. Các nội dung khác

- Các phụ lục tính toán kèm theo thuyết minh (các giải trình, giải thích, luận cứ bổ sung cho thuyết minh, các số liệu tính toán) và các văn bản pháp lý liên quan. Đĩa CD lưu trữ toàn bộ nội dung thuyết minh và bản vẽ.

- Dự thảo Quyết định phê duyệt đề án điều chỉnh quy hoạch; Dự thảo Quy định quản lý xây dựng theo điều chỉnh quy hoạch.

6. Thành phần hồ sơ đề án

STT	TÊN BẢN VẼ - HỒ SƠ	Tỷ lệ	Số lượng	
			Màu	Trắng đen
<i>I</i>	<i>Phần bản vẽ</i>			
1	Sơ đồ vị trí, mối liên hệ vùng		2	5
2	Bản đồ hiện trạng tổng hợp, đánh giá đất xây	1/10.000		
3	Sơ đồ định hướng phát triển không gian toàn xã	1/10.000	2	5
4	Bản đồ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất	1/10.000		
5	Bản đồ điều chỉnh quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật và môi trường; hạ tầng phục vụ sản	1/10.000	2	5
<i>II</i>	<i>Phần thuyết minh</i>			
1	Tờ trình và các văn bản pháp lý liên quan	A4	-	2
2	Thuyết minh tổng hợp kèm bản vẽ khổ A3 màu	A4	-	7
3	Dự thảo Quyết định phê duyệt đề án điều chỉnh	A4	-	7
4	Dự thảo Quy định quản lý xây dựng theo điều chỉnh QH	A4	-	7
<i>III</i>	<i>03 đĩa CD lưu trữ toàn bộ nội dung thuyết minh và bản vẽ</i>			

7. Dự toán chi phí

Tổng dự toán chi phí điều chỉnh quy hoạch là: 254.440.000 đồng.

Bằng chữ: Hai trăm năm mươi bốn triệu, bốn trăm bốn mươi nghìn đồng.

III. Tổ chức thực hiện và tiến độ thực hiện

a. Tổ chức thực hiện

- Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân xã Cư Pui;

- Cơ quan thẩm định: Phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện Krông Bông;

- Cơ quan phê duyệt: UBND huyện Krông Bông;

- Đơn vị tư vấn: Công ty TNHH Tư vấn & Thương mại Phú Nguyên.

b. Tiến độ thực hiện: 06 tháng kể từ ngày có Quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán quy hoạch.

Điều 2. Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo các quy định hiện hành của nhà nước.

Điều 3: Chánh văn phòng HĐND và UBND Huyện, Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch, Trưởng Phòng Kinh tế và Hạ tầng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Cư Pui, Công ty TNHH Tư vấn & Thương mại Phú Nguyên và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT. *ant*

CHỦ TỊCH



Lê Văn Long